

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN TP Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TỈNH BT

Bản án số: 30/2025/HNGĐ-ST.

Ngày: 03-4-2025.

V/v: *Tranh chấp ly hôn.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TP
TỈNH BT

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

+Thẩm phán– Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Thu Huyền**

+Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Phạm Văn Minh**

2. Bà **Nguyễn Hoàng Bích Loan**

-Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Văn Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện TP.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Bích Nga – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TP xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 536/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2024 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07-02-2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 23/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 18-3-2025, đối với các đương sự:

- Nguyên đơn: ông **Nguyễn D**, sinh năm 1986;

Địa chỉ: khu phố Thanh Giang 1, thị trấn Phan Rí Cửa, TP, BT.

- Bị đơn: bà **Lê Thị H**, sinh năm 1988;

Địa chỉ: số 80/28 Bùi Thị Xuân, khu phố Minh Tân 2, thị trấn Phan Rí Cửa, TP, BT.

Nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ly hôn và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn Nguyễn D trình bày: ông Dân và bà Lê Thị H chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Phan Rí Cửa theo Giấy chứng nhận kết hôn số 30/2012 ngày 10/02/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống

tại khu phố Thanh Giang 1, thị trấn Phan Rí Cửa, huyện TP. Vào năm 2023, ông Dần phát hiện bà Hạnh sống không trung thực, có quan hệ với người đàn ông khác. Do bị phát hiện nên bà Hạnh đã bỏ về nhà cha mẹ bà ở số 80/28 Bùi Thị Xuân, khu phố Minh Tân 2, thị trấn Phan Rí Cửa sinh sống đến nay và hai bên không còn liên lạc gì với nhau. Nay, ông Dần thấy hôn nhân không có hạnh phúc, không còn khả năng hàn gắn nên yêu cầu ly hôn với bà Lê Thị H. Vợ chồng ông có một con chung tên Nguyễn Thị Ngọc Ánh (sinh ngày 21-9-2014), bà Hạnh đưa con gái về cho nhà ngoại nuôi nên ông Dần không có yêu cầu nuôi con cũng như không tranh chấp gì về con chung.

2. Đối với bị đơn Lê Thị H: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bà Hạnh không đến Tòa án để giải quyết nên không thể lấy lời khai và hòa giải được.

3. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, đề nghị tuyên xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Nguyên đơn phải nộp toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

* Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: ông Nguyễn D có đơn đề nghị giải quyết việc hôn nhân giữa ông với bà Lê Thị H - có nơi thường trú tại khu phố Minh Tân 2, thị trấn Phan Rí Cửa, huyện TP, nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TP. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ, yêu cầu bà Hạnh đến Tòa để lấy lời khai, hòa giải và thực hiện các thủ tục tố tụng khác nhưng bà Hạnh từ chối và không chấp hành. Do đó, Tòa án không thể tiến hành hòa giải theo thủ tục chung và quyết định đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn Lê Thị H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn bà Lê Thị H.

Hội đồng xét xử nhận thấy: ông Nguyễn D và bà Lê Thị H tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Phan Rí Cửa,

huyện TP theo Giấy chứng nhận kết hôn số 30/2012, ngày 10/02/2012 nên hôn nhân giữa ông Dân và bà Hạnh là hôn nhân hợp pháp. Ông Dân yêu cầu ly hôn với bà Hạnh với lý do hôn nhân không hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được và không có khả năng hàn gắn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần thông báo cho bà Hạnh đến giải quyết nhưng bà Hạnh không chấp hành, điều này chứng tỏ bà Hạnh không có thiện chí và không có mong muốn hàn gắn gia đình. Hơn nữa, thực tế giữa ông Dân và bà Hạnh đã không còn chung sống với nhau từ tháng 10/2023 đến nay. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa ông Dân và bà Hạnh không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông Dân.

[3] Về con chung: ông Dân và bà Hạnh có một con chung tên Nguyễn Thị Ngọc Ánh (sinh ngày 21-9-2014) đang do mẹ bà Hạnh nuôi dưỡng, ông Dân không tranh chấp về con chung nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: nguyên đơn trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP là có cơ sở chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông Nguyễn D phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 5; khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn D đối với bà Lê Thị H. Giấy chứng nhận kết hôn số 30, ngày 10-02-2012 của Ủy ban nhân dân thị trấn Phan Rí Cửa, huyện TP, BT hết hiệu lực kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí: ông Nguyễn D phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007273, ngày 11-12-2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TP.

3. Quyền kháng cáo: ông Nguyễn D có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bà Lê Thị H có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận Bản án hoặc niêm yết Bản án.

Nơi nhận:

-VKSND BT;
-VKSND TP;
-THADS huyện TP;
-Nguyên đơn;bị đơn;
-Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thu Huyền